TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1021**/2020/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 30 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 807/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hiền T, sinh năm 1963;
Hộ khẩu thường trú: Số 8/16, đường Đ, phường T, quận K, Thành phố H.
Chỗ ở: Số 133/25, đường G, phường T, quận K, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thúy K, sinh năm 1970;
Hộ khẩu thường trú: Số 8/16, đường Đ, phường T, quận K, Thành phố H.
Chỗ ở: Số 75, đường C, phường T, quận K, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Hiền T và bà Nguyễn Thúy K.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Ông Lê Hiền T và bà Nguyễn Thúy K thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông T và bà K chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 05/12/1994 do UBND xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông T và bà K không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Ông T và bà K xác nhận có 01 con chung là Lê N, sinh ngày 17/3/1995. Do con chung đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông T và bà K xác nhận không có.

- *Về nợ chung:* Ông T và bà K xác nhận không có.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng do ông T tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0071018 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K. Hoàn lại cho ông T số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu trên.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND xã B, huyện M, tỉnh V;
- Lưu HS,VP.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Trang